

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HN-ST

Ngày: 15/01/2024

V/v "Xin ly hôn"

**NHÂN DANH**  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Cẩm Tiên.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Châu Văn Bình

+ Ông Trần Văn Bé Ba

- *Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Xuyên* - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo không tham gia phiên tòa.*

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 450/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 205/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Thị C** – sinh năm: 1972; (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Ngọc M** – sinh năm 1972; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Nguyên đơn chị Trần Thị C trình bày: chị và anh M sống chung năm 1992, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do anh M có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên hôn nhân giữa anh chị dần mất đi hạnh phúc, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Chị và anh M ly thân từ năm 2013 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn và không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh M.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thùy K, sinh ngày 09/03/1993 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 20/10/1998 hiện đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung, nợ riêng: không có.
- \* Bị đơn anh Nguyễn Ngọc M vắng mặt không lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trần Thị C và anh Nguyễn Ngọc M sống chung năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật thừa nhận. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Ngọc M mặc dù được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét đơn yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về tình cảm: chị C yêu cầu ly hôn với anh M. Nguyên nhân ly hôn chị C trình bày là do anh M có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên hôn nhân giữa anh chị dần mất đi hạnh phúc. Anh chị đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Anh M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh không đến Tòa, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị C, chứng tỏ anh không còn tha thiết gì đến hạnh phúc gia đình. Xét thấy trong thời gian ly thân, chị C, anh M không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với nhau, chứng tỏ giữa anh chị trong cuộc sống đã có mâu thuẫn xảy ra, anh chị không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và chị C yêu cầu ly hôn với anh M nhưng vì anh chị không có đăng ký kết hôn nên không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị C và anh Nguyễn Ngọc M theo quy định tại khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thùy K, sinh ngày 09/03/1993 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 20/10/1998 hiện đã trưởng thành, chị C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: chị C trình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung, nợ riêng: chị C trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: chị C phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 14, Điều 51 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Xử: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị C.**

- Về tình cảm: Tuyên bố chị Trần Thị C và anh Nguyễn Ngọc M không phải là vợ chồng.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thùy K, sinh ngày 09/03/1993 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 20/10/1998 hiện đã trưởng thành.

- Về án phí: chị Trần Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0026369 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo nên chị đã nộp xong án phí.

- Về kháng cáo: Dương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với anh M vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**\* Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã H;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn;

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Phan Thị Cẩm Tiên**